

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2017/HSST
Ngày: 08/11/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu.

2. Ông Bà Nguyễn Thị Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lương Xuân Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bp, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 105/2017/HSST, ngày 18 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn Q;** Sinh năm 1985, tại tỉnh Đồng Nai.

HKTT: Thôn 2, xã M, huyện B, tỉnh Bp.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã BM, huyện B, tỉnh Bp.

Số chứng minh nhân dân 285155222; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; con ông Vũ Văn C, sinh năm 1952 và bà Vũ Thị Th, sinh năm 1959; vợ Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1982 và 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 3 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tại Bản án số 48/2014/HSST ngày 02/6/2014. Ngày 21/7/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2017 đến nay. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 12/9/2017, Vũ Văn Q điều khiển xe Mô tô biển kiểm soát 93T6 – 2253 chở theo vợ là chị Nguyễn Thị Kim T đi vào xã Đ, huyện B đi tìm nơi bán đất để mua. Khi đến thôn ĐL, xã Đ, Q nói vợ ở lại chờ để Q đi xem đất, chị T đồng ý và ngồi đợi. Sau khi để vợ đợi ở thôn ĐL còn Q điều khiển xe chạy lên khu vực “Làng M” thuộc xã Đ, huyện T, tỉnh ĐN gặp 01 người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch mua 01 gói ma túy (Hêroin), được gói trong giấy bạc màu trắng với giá 500.000 đồng. Mua xong, Q quay lại chở vợ đi về, khi về đến khu vực cầu sắt tại thôn ĐL, xã Đ thì bị lực lượng công an huyện B kiểm tra hành chính và phát hiện trong túi áo ngực bên phải của Q có 01 gói giấy bạc màu trắng, bên trong có chứa 01 cục chất bột màu trắng, tổ công tác nghi ngờ là Hêroin nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Q.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nêu trên. Đại diện viện kiểm sát thực hành Q công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Vũ Văn Q đủ yếu tố cấu thành “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại bản kết luận giám định số 424/2017/GĐ ngày 15/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bp kết luận: Chất màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng 0,8036 gam, là Hêroin.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ gồm 01 gói giấy bạc bên trong có chứa ma túy, 01 chứng minh nhân dân mang tên Vũ Văn Q, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Văn Q, 01 xe mô tô biển số 93T6-2253.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 chứng minh nhân dân cho chị Nguyễn Thị Kim T là vợ bị cáo Vũ Văn Q. Đối với số ma túy còn lại đựng trong gói giấy bạc sau giám định, 01 giấy đăng ký xe mô tô và 01 xe mô tô hiệu Dream, màu nâu biển số 93T6-2253 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện B để phục vụ công tác truy tố, xét xử; 01 xe mô tô biển số 93T6 – 2253 là tài sản chung của bị cáo và vợ là Nguyễn Thị Kim T, chị T không biết bị cáo sử dụng để đi mua ma túy nên ngày 17/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim T cùng giấy tờ kèm theo.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến về kết luận giám định, vật chứng vụ án đã thu giữ và quyết định xử lý vật chứng vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

Bản cáo trạng số: 100/CTr –VKS ngày 17/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Vũ Văn Q về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát thực hành Q công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Văn Q phạm về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; Về hình phạt đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 194, điểm p Khoản 1, 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn Q từ 02 đến 03 năm tù; Đề nghị tịch thu tiêu hủy hàm lượng ma túy còn lại sau khi giám định; buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn Q thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 12/9/2017 Vũ Văn Q điều khiển Mô tô biển kiểm soát 93T6 – 2253 lên khu vực “Làng M” thuộc xã Đ, huyện T, tỉnh ĐN gặp 01 người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch mua 01 gói ma túy, được gói trong giấy bạc màu trắng với giá 500.000 đồng. Mua xong, Q điều khiển xe chạy về khu vực thôn Đ L, xã Đ đón vợ chở về nhà thì bị lực lượng Công an huyện B kiểm tra hành chính và phát hiện trong túi áo ngực bên phải của Q có 01 gói giấy bạc màu trắng, bên trong có chứa 01 cục chất bột màu trắng, do nghi ngờ là ma túy nên Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Q và niêm phong gói chất bột thu giữ.

Chất màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc thu giữ trên người của Q được niêm phong và gửi đến giám định, được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bp kết luận có trọng lượng 0,8036 gam là Hêrôin.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành mua ma túy cất giữ trong túi áo của bị cáo Vũ Văn Q không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy với trọng lượng 0,8036 gam Hêrôin đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Điều 194 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a);

b) Hêrôin, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

Tuy nhiên, hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bộ luật hình sự năm 2015 đã quy định mức hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a);

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

Điều 2. Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015 quy định:

1. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng như sau:

a);

b) Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích;

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vì nghiện ma túy và coi thường pháp luật nên đã phạm tội ; Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc Q quản lý chất ma túy của Nhà

nước và còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương; Bản thân của bị cáo đã bị Tòa án xử phạt 3 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Bản án số 48/2014/HSST, ngày 02/6/2014; Ngày 21/7/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p Khoản 1, Điều 46; Bị cáo là lao động chính trong gia đình, có 02 con còn nhỏ, vợ đang mang thai, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ Luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án nghiêm để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, số lượng ma túy không lớn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong số 310 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bp là được liệu nhà nước cấm lưu hành sự cần tịch thu tiêu hủy theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình; Đối với xe Mô tô biển số 93T6 – 2253 là tài sản chung của bị cáo và vợ là Nguyễn Thị Kim T; chị T không biết bị cáo sử dụng để đi mua ma túy; ngày 17/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị T là phù hợp, nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp theo luật định.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Q phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2017.

[2] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ký hiệu số 424 ngày 15/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bp. (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009547 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Vũ Văn Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- Sở tư pháp tỉnh BP;
- C an tỉnh BP;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Huệ

